

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



LILAMA 7 JSC

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng chứng nhận lần đầu ngày 18/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 01/02/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số . . . /ĐKNY do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng. . . năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Lilama 7

Địa chỉ : 332 đường 2/9, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3621731 Fax: (0511) 3621722

Website : <http://www.lilama7.com.vn>

Email : lilamadn@lilama7.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Nguyễn Hồng Thái

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : (0511) 3621731 Di động: 0913405226

Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Trụ sở : 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84 - 4) 3726 2600 Fax: (84 - 4) 3726 2602

Website : <http://www.thanglongsc.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 01/02/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama 7
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
Vốn điều lệ	: 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng
Tổng số lượng chứng khoán niêm yết	: 4.957.000 (Bốn triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn) cổ phần
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết	: 49.570.000.000 (Bốn mươi chín tỷ năm trăm bảy mươi triệu) đồng

Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Địa chỉ : Số 3, ngõ 1295, đường Giải phóng, quận
Hoàng Mai, Hà Nội
Số điện thoại giao dịch : (84 - 04).3974 5080
Số fax giao dịch : (84 - 04).3974 5083
Website : <http://www.cpahanoi.com>
Email : cpahanoi@fpt.vn



Tổ chức tư vấn:

Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Địa chỉ : 273 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
Số điện thoại giao dịch : (84 - 04).37262600
Số fax giao dịch : (84 - 04).37262601
Website : <http://www.thanglongsc.com.vn>



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù ngành	7
4.	Rủi ro khác	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1.	Tổ chức niêm yết.....	9
2.	Tổ chức tư vấn.....	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM	10
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	14
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/07/2010	19
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	20
6.	Hoạt động kinh doanh	22
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	35
9.	Chính sách đối với người lao động	37
10.	Chính sách cổ tức	38
11.	Tình hình hoạt động tài chính	38

12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	45
13.	Tài sản	59
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	61
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	63
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	63
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.....	63
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	64
1.	Loại chứng khoán.....	64
2.	Mệnh giá.....	64
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	64
4.	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	64
5.	Phương pháp tính giá	65
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	65
7.	Các loại thuế có liên quan	66
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	67
1.	Tổ chức tư vấn.....	67
2.	Tổ chức kiểm toán.....	67
VII.	PHỤ LỤC.....	68

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Quá trình tăng vốn điều lệ.....	13
Biểu số 2: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Lilama 7	14
Biểu số 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/07/2010.....	19
Biểu số 4: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy CNĐKKD số 3203001431 ngày 01/02/2008...19	
Biểu số 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/07/2010	20
Biểu số 6: Cơ cấu doanh thu thuần của Lilama 7	24
Biểu số 7: Cơ cấu chi phí của Lilama 7	24
Biểu số 8: Danh sách các nhà cung cấp vật tư cho Lilama 7	25
Biểu số 9: Lưu đồ thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp	29
Biểu số 10: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết	31
Biểu số 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Lilama 7	33
Biểu số 12: Cơ cấu lao động Công ty.....	37
Biểu số 13: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại 30/06/2010	44
Biểu số 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Lilama 7	45
Biểu số 15: Danh mục tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2009	59
Biểu số 16: Danh mục tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2010	59
Biểu số 17: Danh mục tài sản cố định vô hình tại 31/12/2009.....	60
Biểu số 18: Danh mục tài sản cố định vô hình tại 30/06/2010.....	60
Biểu số 19: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Lilama 7.....	61
Biểu số 20: Dự kiến doanh thu và lợi nhuận năm 2010 của các công trình xây lắp mà Công ty đang thực hiện.....	62
Biểu số 21: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của các thành viên chủ chốt.....	65

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Lilama 7 hoạt động trong lĩnh vực xây lắp máy. Đây là ngành công nghiệp nặng chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của nền kinh tế. Những năm đầu của thế kỷ 21, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, trung bình mỗi năm GDP tăng từ 7% đến 8%. Bên cạnh đó, Việt Nam còn thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI khá quan trọng - 10,2 tỷ USD năm 2006 và vốn FDI cam kết thực hiện năm 2008 lên tới 60 tỷ USD, là cơ sở cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt đầu vào tháng 9/2008 đã khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chậm lại. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP chỉ đạt 6,23% năm 2008 và tiếp tục giảm xuống 5,32% năm 2009. Ngoài ra vốn FDI vào Việt Nam năm 2009 cũng giảm 70% so với năm 2008.

Nền kinh tế chững lại do sản lượng xuất khẩu và vốn FDI sụt giảm gây ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của các công ty ngành xây lắp máy. Nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giảm sẽ kéo theo sản lượng, doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp máy giảm. Do đó những biến động của nền kinh tế ở tầm vĩ mô sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây lắp máy.

Bên cạnh đó, Công ty còn chịu những rủi ro khác thuộc về yếu tố kinh tế vĩ mô như lạm phát tăng cao hay lãi suất thay đổi. Lilama 7 nhận thầu thi công các công trình dự án, do đó doanh thu của Lilama 7 phụ thuộc rất nhiều vào số lượng, giá trị và tiến độ của các dự án đang thi công cũng như các dự án tương lai. Khi dự án bị giãn tiến độ, lãi vay mà công ty phải trả cho ngân hàng sẽ tăng lên do thời gian vay vốn bị kéo dài. Trong khi đó, ảnh hưởng mạnh nhất của lạm phát đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp máy như Lilama 7 là sự tăng giá ngoài dự đoán và ngoài kiểm soát của nguyên vật liệu đầu vào.

Để khắc phục rủi ro này, Lilama 7 đã và đang xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro để có thể chủ động ứng phó với các nguy cơ tiềm ẩn do lạm phát cao mang lại trong thời gian tới. Đồng thời, Công ty xem xét lại các danh mục đầu tư trong kế hoạch ngân sách năm và tái cấu trúc vốn; kiểm soát chặt chẽ chi phí và phát động phong trào tiết kiệm tại doanh nghiệp; thực hiện nghiêm ngặt chính sách quản lý các khoản nợ phải thu và chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu hàng hóa dự phòng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống chính sách và luật pháp của Việt Nam hiện nay đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện nên còn nhiều mâu thuẫn và chưa ổn định. Luật ban hành thường là luật khung

nên các doanh nghiệp thường phải chờ các văn bản hướng dẫn thi hành mới có thể áp dụng luật. Tuy nhiên các văn bản hướng dẫn thi hành luật lại chưa đầy đủ, chồng chéo lên nhau, thường xuyên được sửa đổi bổ sung, gây ra khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Lilama 7 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như Luật doanh nghiệp, Luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra, Công ty cổ phần Lilama 7 chuẩn bị niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các nghị định, văn bản hướng dẫn kèm theo. Sự thay đổi về chính sách và văn bản pháp luật gây ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của công ty. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt kịp thời các văn bản pháp luật hiện hành sẽ giúp công ty giảm thiểu được rủi ro về pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào: Công ty cổ phần Lilama 7 chuyên về xây dựng, chế tạo và lắp đặt các kết cấu phi tiêu chuẩn. Là nhà thầu của các công trình dự án xây dựng lắp máy cho các nhà máy xi măng, nhà máy điện, nhà máy lọc dầu... Lilama 7 chịu ảnh hưởng bởi những biến động mạnh về giá của nguyên vật liệu xây dựng đầu vào như sắt thép, xi măng. Công ty có thể kiểm soát rủi ro về nguyên liệu đầu vào bằng cách thiết lập mối quan hệ và ký hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nguyên vật liệu.

Rủi ro công nghệ: Nền khoa học công nghệ nói chung và công nghệ xây lắp máy nói riêng đang phát triển với tốc độ nhanh, yêu cầu về kỹ thuật xây lắp máy đối với các dự án thi công cũng ngày càng cao. Việt Nam đang hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới vì thế các công trình xây lắp máy trong nước cũng đang dần bắt kịp với tiêu chuẩn thế giới. Vấn đề này đặt ra thách thức không nhỏ với Lilama 7 trong việc cải tiến kỹ thuật và bắt kịp công nghệ mới.

Rủi ro cạnh tranh: Hiện nay, về kỹ thuật thi công, công nghệ, nhân lực thì Lilama 7 cũng khá toàn diện so với các đối thủ khác. Tuy nhiên, do vị trí địa lý của Lilama 7 nằm ở khu vực miền Trung nên cơ hội việc làm của Lilama 7 ở khu vực này ít hơn so với miền Bắc và miền Nam - nơi tập trung nhiều dự án lớn và các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực xây lắp máy.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang trên lộ trình thực hiện những cam kết khi gia nhập WTO về mở cửa thị trường và tự do cạnh tranh. Cũng như các doanh nghiệp xây lắp máy khác của Việt Nam, Lilama 7 chịu thêm sức ép cạnh tranh từ các đối thủ nước ngoài có lợi thế về trình độ công nghệ kỹ thuật và nguồn lực tài chính. Đặc biệt, với sự xâm nhập thị trường của

các nhà thầu Trung Quốc với khả năng cạnh tranh mạnh về giá đã tạo ra thách thức lớn cho ngành xây dựng cơ khí nói chung của Việt Nam và bản thân Lilama 7 nói riêng.

4. Rủi ro khác

Những rủi ro khác như các hiện tượng thiên tai (động đất, lũ lụt), chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo.... là những rủi ro bất khả kháng và ít có khả năng xảy ra. Nhưng khi xảy ra thì những rủi ro này sẽ tác động trực tiếp đến các công trình thi công, xây lắp máy của công ty, làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại về tài sản cho công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Bùi Sơn Trường

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Võ Duy Chính

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Bùi Đức Kiên

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật

: Ông **Lê Đình Ngọc**

Chức vụ

: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Lilama 7. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lilama 7 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần Lilama 7
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Lilama 7
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 7 thông qua
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần Lilama 7
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long
Những người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: - Công ty mẹ và công ty con (nếu có). - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty. - Công ty và những người quản lý công ty. - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư, góp vốn, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty. - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối. - Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ Công ty	Công ty cổ phần Lilama 7
▪ CP	Cổ phần
▪ Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 7
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKNY	Đăng ký niêm yết
▪ EPC	Engineering Procurement Construction (Hợp đồng xây dựng mà nhà thầu phải thực hiện toàn bộ công việc từ thiết kế, cung ứng vật tư đến thi công công trình)
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HĐKT	Hợp đồng kinh tế
▪ KHCHN	Khoa học công nghệ
▪ NM	Nhà máy
▪ TCKT	Tài chính kế toán
▪ TCTLMVN	Tổng công ty lắp máy Việt Nam
▪ TGĐ	Tổng Giám đốc
▪ TLS	Tên viết tắt của Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ KCS	Kiểm soát chất lượng sản phẩm

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Lilama 7 tiền thân là Xí nghiệp lắp máy số 7 được thành lập vào tháng 12 năm 1977. Năm 1993, Bộ xây dựng có quyết định thành lập lại Xí nghiệp lắp máy số 7 thành doanh nghiệp nhà nước và đến ngày 02/01/1996 Bộ xây dựng ra quyết định đổi tên doanh nghiệp thành Công ty lắp máy và xây dựng số 7 trực thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

Ngày 04/01/2005, Bộ trưởng Bộ xây dựng ra quyết định thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển các Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước độc lập thuộc Bộ Xây dựng theo hướng cổ phần hóa. Công ty lắp máy và xây dựng số 7 chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Lilama 7 từ ngày 01/06/2007 theo giấy đăng ký kinh doanh số 3203001431 ngày 18/05/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và đăng ký thay đổi lần đầu ngày 01/02/2008.

1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7
Tên tiếng Anh:	LILAMA 7 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LILAMA 7., JSC
Địa chỉ:	332 Đường 2/9, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Trụ sở chính:	Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại:	(0511).3621731
Fax:	(0511).3621722
Website:	www.lilama7.com.vn
Email:	lilamadn@lilama7.com.vn
Biểu tượng Công ty:	



Tài khoản:	4311.01.01.0203 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Đà Nẵng
Mã số thuế:	0400100986
Giấy CNĐKKD:	Số 3203001431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18/05/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 01/02/2008
Vốn điều lệ:	Khi mới thành lập: 8.000.000.000 (Tám tỷ đồng) Hiện tại: 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng)

1.3. Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007 số 20/LILAMA7/ĐHCĐ/NQ ngày 26/08/2007 và Quyết định số 06/LILAMA7/HĐQT/QĐ/00 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 về việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng (tương ứng phát hành thêm 4.200.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần), tính đến ngày 25/09/2007, Công ty đã phát hành thành công thêm 42 tỷ đồng vốn điều lệ. Toàn bộ 50 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7 đã được Công ty kiểm toán và kế toán ASNAF xác nhận trong báo cáo kiểm toán vốn số 79/BCKT/TC.

Biểu số 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

Thời điểm	Nguồn tăng	Vốn điều lệ	Vốn NN	Tỷ lệ
Khi thành lập		8.000.000.000	4.080.000.000	51%
Lần 1 (Tháng 08/2007)	Phát hành thêm: 42.000.000.000	50.000.000.000	25.500.000.000	51%

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Công ty phát hành thêm 42 tỷ đồng vốn điều lệ cho các đối tượng sau:

- Cổ đông hiện hữu là Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo nguyên tắc 01 cổ phiếu cũ được quyền mua 2,5 cổ phiếu mới với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu và số lượng thực tế Tổng công ty mua là 816.000 cổ phiếu. Ngoài ra Tổng công ty lắp máy Việt Nam còn được mua thêm để đảm bảo giữ tỷ lệ 51% vốn điều lệ mới với giá phát hành là 12.000 đồng/cổ phiếu và số lượng mua thực tế là 1.326.000 cổ phiếu.
- Các cổ đông hiện hữu khác theo nguyên tắc 01 cổ phiếu cũ được quyền mua 2,5 cổ phiếu mới với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; số lượng thực tế các cổ đông hiện hữu mua là 762.246 cổ phiếu. Ngoài ra các cổ đông hiện hữu có thể mua thêm cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu cũ được mua thêm 01 cổ phiếu mới) với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu mua thêm thực tế là 378.221 cổ phiếu.

- Các đối tác khác của công ty như người lao động trong công ty, các cá nhân và đơn vị có đóng góp trong quá trình phát triển của công ty được quyền mua cổ phiếu mới với giá phát hành là 12.000 đồng/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua thực tế là 917.533 cổ phiếu.

Mục đích của việc phát hành tăng vốn:

- Nhằm tăng cường năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án.
- Đầu tư vào một số dự án nhằm đa dạng hóa sản phẩm theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty lắp máy Việt Nam thành Tập đoàn công nghiệp nặng.

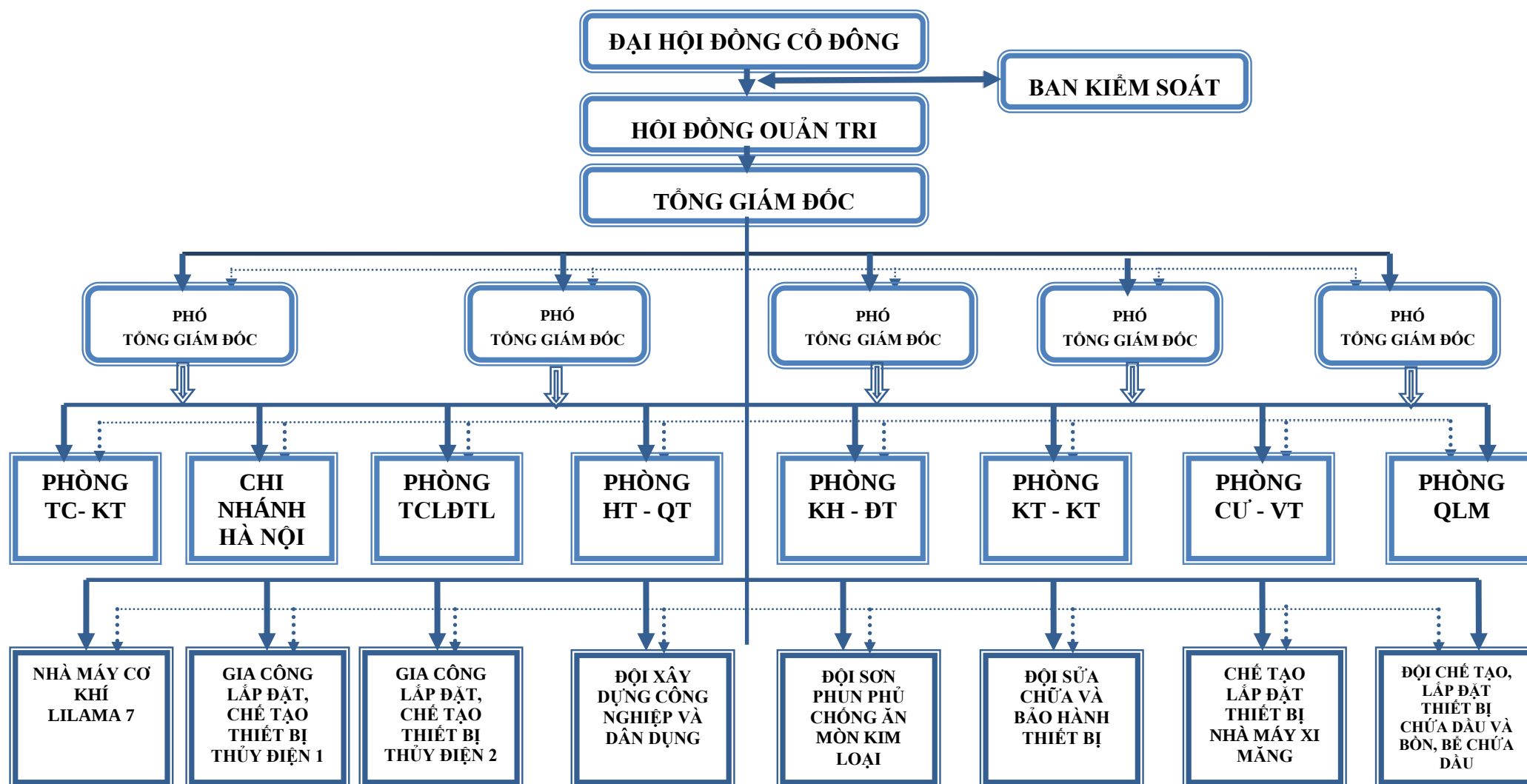
Tại thời điểm ngày 30/09/2007, tổng số cổ phần đã được mua và thanh toán là 4.200.000 cổ phần, tương đương với 42 tỷ đồng. Trong đó, cổ đông Nhà nước (Tổng công ty lắp máy Việt Nam) mua 2.142.000 cổ phần; cổ đông là CBCNV mua 680.455 cổ phần và cổ đông ngoài mua 1.377.545 cổ phần. Số vốn thặng dư trong đợt phát hành vào Quý III/2007 của Công ty là 5.243.508.000 đồng. Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 7 tại thời điểm này là 411 cổ đông.

Trong đợt phát hành tăng vốn từ 8 tỷ lên 50 tỷ đồng vào quý III/2007, Lilama 7 đã thực hiện phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu với số lượng trên 100 người, là hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng khi chưa đáp ứng đủ điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán (do không đáp ứng điều kiện về mức vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên). UBCKNN đã cảnh cáo Công ty thông qua việc đăng tải danh sách các trường hợp phát hành vi phạm (trong đó có Lilama 7) lên website của UBCKNN. Theo đó, UBCKNN không phạt hành chính đối với trường hợp chào bán ra công chúng vi phạm này và yêu cầu Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về đợt phát hành chứng khoán và các khiếu kiện, khiếu nại của cổ đông liên quan đến đợt phát hành đó.

Trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 và 2009, Công ty đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ về đợt chào bán chứng khoán tăng vốn lên 50 tỷ đồng vào quý III/2007, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về đợt phát hành chứng khoán cũng như các khiếu nại, khiếu kiện của cổ đông liên quan đến đợt phát hành đó. Đến thời điểm tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, Công ty chưa nhận được bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào từ các cổ đông về đợt phát hành này.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Biểu số 2: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Lilama 7



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty v.v...

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc Công ty:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị đề cử để Tổng Giám đốc công ty mẹ là Tổng công ty lắp máy Việt Nam bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phó Tổng Giám đốc Công ty:

Các Phó Tổng Giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- Kế toán trưởng Công ty:

Kế toán trưởng của Công ty giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

3.5. Các phòng, ban chức năng

- Phòng Kinh tế - Kỹ thuật:

- Chủ trì công tác khai thác và mở rộng thị trường, các công việc liên quan đến đấu thầu, thương thảo với khách hàng, dự thảo và rà soát các hợp đồng kinh tế.
- Cùng các phòng ban liên quan kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đồng thời tổng hợp số liệu từ các phòng ban và báo cáo định kỳ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị nguồn vốn và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Tham gia xây dựng tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công; kiểm soát các nhà thầu và đội thi công của Công ty về việc thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật.
- Tập hợp, lưu trữ và phổ biến các tài liệu kỹ thuật; Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- Phòng Tài chính - Kế toán:

- Đảm bảo các hoạt động kế toán trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật kế toán của Nhà nước và các quy chế Công ty ban hành.
- Theo dõi, kiểm soát toàn bộ các khoản chi phí và doanh thu liên quan đến từng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty.

- Phòng Kế hoạch - Đầu tư:

- Lập kế hoạch về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc, tìm nguyên nhân và đề xuất biện pháp giải quyết.
- Định hướng và lập kế hoạch trung và dài hạn về đầu tư mở rộng và phát triển theo chiều sâu phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của toàn Công ty trước và sau Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ trì phối hợp với các phòng ban liên quan lập kế hoạch kiểm tra định kỳ theo quý, cho các dự án đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Phòng Tổ chức - Hành chính:
 - Lập kế hoạch tuyển dụng, quản lý, điều phối và đào tạo nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
 - Chịu trách nhiệm quản lý trụ sở Văn phòng Công ty, trang thiết bị văn phòng tại Công ty và các đơn vị sản xuất, các dụng cụ hành chính toàn Công ty.
 - Tiếp nhận thông tin, xây dựng lịch công tác, lịch giao ban, lịch hội họp sinh hoạt định kỳ và bất thường.
- Phòng Cung ứng - Vật tư:
 - Lập kế hoạch mua vật tư, sản phẩm cho các công trình, dự án của Công ty. Tham gia đánh giá, khảo sát giá cả để chọn nhà thầu cung cấp vật tư, sản phẩm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.
 - Thực hiện các quy định về sắp xếp, bảo quản, cấp phát thanh quyết toán vật tư, dụng cụ và thu hồi vật tư, dụng cụ từ các công trình; Thực hiện các quy trình kiểm soát vật tư, sản phẩm mua vào do khách hàng cung cấp.
- Phòng Quản lý máy:
 - Đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị, dụng cụ của Công ty sẵn sàng hoạt động; Định kỳ kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị tại các công trình.
 - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để lập kế hoạch và mua sắm phụ tùng thay thế, vật tư cần thiết nhằm đảm bảo toàn bộ máy móc thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động đầy đủ với tính năng thiết kế; Đưa ra biện pháp quản lý phù hợp thực tế sao cho hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị được tối ưu nhất.
- Ban an toàn lao động:
 - Xây dựng quy chế an toàn lao động của Công ty theo quy định của pháp lệnh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.
 - Lập kế hoạch trang bị bảo hộ lao động, mua sắm và tổ chức cấp phát đúng đối tượng, tiêu chuẩn và thời hạn quy định; Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy phạm về an toàn lao động trong vận hành máy móc thiết bị, đặc biệt là thiết bị đòi hỏi cao về an toàn.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/07/2010

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/07/2010

Biểu số 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/07/2010

Cổ đông	Số cổ phần	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Người đại diện	Số cổ phần đại diện	Giá trị (trđ)	Tỷ lệ/VDL
Tổng công ty lắp máy Việt Nam	2.550.000 (chiếm 51% vốn điều lệ)	Số 110860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/1996, thay đổi lần thứ 02 ngày 23/05/2006	124 phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Bùi Sơn Trường	1.300.000	13.000	26%
				Tô Minh Thúy	750.000	7.500	15%
				Trần Hải Sơn	500.000	5.000	10%

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy CNĐKKD số 3203001431 ngày 01/02/2008

Biểu số 4: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy CNĐKKD số 3203001431 ngày 01/02/2008

STT	Cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
1	Nguyễn Thị Kim Thoa (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam)	A4 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội	1.050.000
2	Bùi Sơn Trường (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam)	P502 G1 Khu tập thể Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội	750.000
3	Tô Minh Thúy (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam)	Thị trấn Lạt Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	750.000
4	Nguyễn Hồng Thái	An Cư, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	24.252
5	Lê Văn Bảo	Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	48.632

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Ghi chú: Công ty được cấp giấy Chuyển nhượng Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/05/2007. Theo khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Tính đến thời điểm 18/05/2010, các cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Lilama 7 được tự do chuyển nhượng cổ phần sáng lập của mình.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2010

Biểu số 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/07/2010

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	407	5.000.000	50.000.000.000	100%
1	Tổ chức	2	2.560.000	25.600.000.000	51,2%
2	Cá nhân	405	2.440.000	24.400.000.000	48,8%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng		5.000.000	50.000.000.000	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết

Tên đầy đủ: TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
 Tên giao dịch: LILAMA CORPORATION
 Tên viết tắt: LILAMA
 Địa chỉ liên hệ: 124 phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04. 38633067
 Fax: 04. 38638104
 Website: www.lilama.com.vn

Logo của Công ty:



Đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/1996 và thay đổi lần hai ngày 23/05/2006.

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
- Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh vận tải thủy bộ;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: khảo sát, lập dự án, thiết kế và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật;
- Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Ghi chú: Tổng Công ty lắp máy Việt Nam hiện đang nắm giữ 51% tổng số vốn điều lệ của Công ty và là công ty mẹ của Công ty cổ phần Lilama 7.

Do đó Tổng công ty lắp máy Việt Nam có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của Công ty theo khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

5.3. Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối
Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

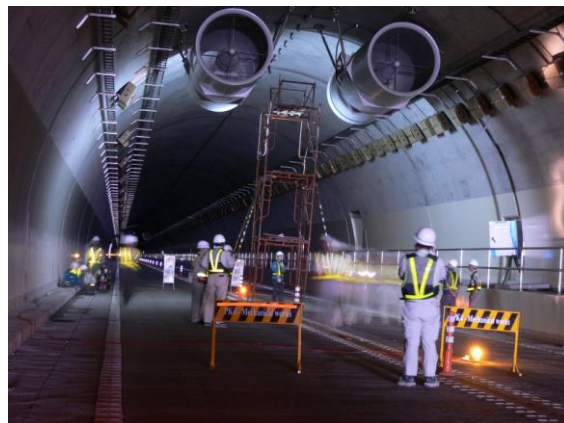
Hiện nay, Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Lắp đặt máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ và gia công chế tạo kết cấu thép, đường ống, bồn, bể áp lực, các thiết bị tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Xây dựng, lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh các thiết bị ngành điện, trạm biến áp và đường dây truyền tải lên đến 500KV;
- Hàn cắt kim loại, sơn kết cấu thép bảo ôn và xây lò;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Vận chuyển máy móc thiết bị, cung cấp vật tư;
- Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray);
- Cung cấp nhân lực cho các dự án trong và ngoài nước.

Một số hình ảnh về các công trình mà Công ty đã và đang thi công:



Hầm Hải Vân



**Chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió trong
hầm Hải Vân**



Trạm biến áp 500 KV



Lắp đặt nhà máy thủy điện



Bồn chứa dầu



Xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Biểu số 6: Cơ cấu doanh thu thuần của Lilama 7

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008		2009		6 tháng/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần
1	Doanh thu bán hàng	-	-	-	-	-	-
2	Doanh thu hợp đồng xây lắp	110.583	100%	111.465	100%	41.077	100%
3	Doanh thu hoạt động bán vật liệu	-	-	-	-	-	-
	Tổng	110.583	100%	111.465	100%	41.077	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Trong hai năm 2008 và 2009, doanh thu thuần của Lilama 7 được hình thành 100% từ doanh thu do các hợp đồng xây lắp mang lại. Khi Nhà máy cơ khí Lilama 7 bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 6/2010, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty được dự báo sẽ thay đổi do có thêm nguồn thu từ nhà máy cơ khí này.

Biểu số 7: Cơ cấu chi phí của Lilama 7

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008		2009		6 tháng/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/DT thuần
1	Giá vốn hàng bán	91.544	82,78%	88.112	79,05%	30.945	75,33%
2	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.089	7,31%	11.734	10,53%	4.824	11,74%
4	Chi phí tài chính	9.740	8,81%	8.014	7,19%	3.821	9,30%
	Tổng	109.373	98,91%	107.860	96,77%	39.590	96,38%

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng trung bình là 81% trên doanh thu thuần trong hai năm 2008 và 2009. Trong các yếu tố chi phí của Lilama 7, giá vốn hàng bán thường chiếm tỷ trọng lớn do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp máy liên quan tới các kết cấu phi tiêu chuẩn có hàm lượng nhân công cao và chiếm chủ yếu trong giá vốn hàng bán, sau đó là chi phí nguyên vật liệu. Đây chính là điểm đặc thù của lĩnh vực xây lắp là thực hiện gia công, xây dựng và

lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn tại các công trình như nhà máy xi măng, nhà máy lọc dầu, nhà máy thủy điện, nhiệt điện... Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty có xu hướng giảm qua các năm nhờ vào chính sách tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào của Công ty và còn do giá nguyên vật liệu năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010 không biến động mạnh như trong năm 2008.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính dùng trong hoạt động sản xuất và thi công xây lắp của Công ty là các loại vật liệu thép hình, sắt, xi măng, que hàn, sơn công nghiệp, khí gas công nghiệp... Đây là những loại vật liệu có sẵn trên thị trường. Ngoài ra, để chủ động trong việc cung ứng nguyên vật liệu phục vụ thi công, Công ty đã thiết lập mối liên hệ thường xuyên tin cậy với các nhà cung cấp. Hiện nay, Lilama 7 có một hệ thống các đối tác truyền thống chuyên cung cấp nguyên vật liệu, đây là những nhà cung cấp lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo đáp ứng kịp thời yếu tố đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất thi công của Công ty.

Biểu số 8: Danh sách các nhà cung cấp vật tư cho Lilama 7

STT	Tên nhà cung cấp	Vật tư cung cấp
1	Công ty cổ phần xây dựng công trình và thương mại KTM	Thép
2	Công ty TNHH Hải Lâm	Tôn, tấm lợp chống nóng
3	Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại và tư vấn Tân Cơ	Bulông
4	Công ty cổ phần Thép Thụy Sỹ	Thép
5	Công ty cổ phần ALPHANAM Cơ Điện	Tụ điện, kích thủy lực
6	Công ty TNHH TM&DV Quốc Tín	Sơn
7	Công ty TNHH SX ống CN Hàn Quốc & DVTM Tân Phát	Ống nhựa
8	Công ty TNHH Hải Thịnh	Xăng dầu
9	Công ty Thương mại Đức Minh	Lốp ô tô, bình điện
10	Xí nghiệp thương mại ECICO	Tôn
11	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	Xăng dầu
12	Công ty TNHH TM&SX Nam Tiến	Ống thép mạ kẽm
13	DNTN Thương mại Thành Khoa	Ống nhựa
14	Công ty TNHH TM& Tư vấn kiến trúc Tân Trí	Sơn, bulông
15	Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Trang	Tụ điện
16	Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn vật liệu điện và cơ khí tại Đà Nẵng	Dây nhôm, lõi thép
17	Xí nghiệp cơ khí mạ Đà Nẵng	Ống thép mạ kẽm

STT	Tên nhà cung cấp	Vật tư cung cấp
18	Công ty cổ phần Long Phương Đông	Bóng đèn
19	Nhà máy Cơ khí & Bê tông Ly Tâm - Công ty cổ phần XD điện VNECO6	Cột bê tông li tâm
20	Công ty cổ phần Bê tông & Xây dựng VINACONEX Xuân Mai – Chi nhánh Hà Nội	Bê tông thương phẩm
21	Công ty cổ phần Ba An	Ống nhựa xoắn
22	DN tư nhân SX TM DV Anh Xuân	Cột cờ
23	Công ty xi măng Luks TT Huế (NMXM Luks TT Huế)	Xi măng
24	Công ty cổ phần tôn mạ màu Việt Pháp	Tôn
25	Xí nghiệp cơ khí mạ - Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung	Ống thép mạ kẽm
26	Công ty TNHH Thanh Niên	Cáp ngầm

6.4. Trình độ công nghệ

Theo đặc thù của lĩnh vực kinh doanh sản phẩm ngành xây lắp máy hiện nay, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sản phẩm hầu như vẫn chưa ở mức độ cao. Xét ở khía cạnh đặc thù sản phẩm, các sản phẩm phi tiêu chuẩn hiện nay đều có hàm lượng nhân công cao, chiếm khoảng 40% sản phẩm hoàn thành.

Một sản phẩm hoàn thành là tổ hợp của rất nhiều các công đoạn và các kết cấu riêng lẻ, quy trình không thống nhất do tính chất phụ thuộc vào đặc thù của các đơn hàng khác nhau. Chẳng hạn như việc chế tạo và lắp đặt thiết bị của Nhà máy xi măng sẽ khác với việc chế tạo, lắp đặt thiết bị cho Nhà máy thủy điện.

Hướng phát triển chiến lược của Lilama 7 trong thời gian tới là tiếp tục ứng dụng KHCN vào thi công đồng thời theo đuổi chiến lược đào tạo, tuyển dụng và phát triển nhân lực. Bên cạnh việc hợp tác với Sở KHCN thì hiện nay dự án Nhà máy cơ khí Lilama 7 do công ty đầu tư xây dựng đã hoàn thành và đưa vào hoạt động, đây sẽ là nền tảng để công ty tiếp tục triển khai áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Một số công nghệ đã được công ty ứng dụng hiện nay như công nghệ cắt CNC, công nghệ hàn dầm tự động ... và trong tương lai, các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực cơ khí mới sẽ được Lilama 7 tiếp tục xem xét và đưa vào thực hiện. Nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố con người trong việc triển khai ứng dụng KHCN, Công ty Lilama 7 thường xuyên tổ chức đào tạo định kỳ cho cán bộ kỹ thuật cũng như công nhân trực tiếp thi công để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, tiến tới tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới.

Trình độ công nghệ của Công ty cổ phần Lilama 7 được phản ánh qua các máy móc thiết bị mà Công ty sở hữu, cụ thể như sau:

STT	Tên ký hiệu, kiểu thiết bị thi công	Đơn vị	Số lượng	Công suất	Số đăng ký, số máy
I. Máy trục cố định					
1	Công trục SWL10T C&M	Bộ	1	10 Tấn, L=14m	421874/CM
2	Cầu trục SWL 5T C&M (dầm đôi)	Bộ	1	5 Tấn	
3	Cầu trục 5T	Bộ	1	5 Tấn	
4	Bán công trục 5T	Bộ	1	5 Tấn	
5	Cầu trục dầm đôi SD10-H12-MH	Bộ	1	10 Tấn, L=20m	Lilama7-2159-1-09
6	Cầu trục dầm đôi SD10-H12-MH	Bộ	1	10 Tấn, L=20m	Lilama7-2159-2-09
7	Cầu trục dầm đôi SD20-H12-MH	Bộ	1	20 Tấn	Lilama7-2259-2-09
II. Máy trục di chuyển					
1	Cần trục bánh lốp TADANO TG-500E	Bộ	1	50 Tấn	43K-7522
2	Cần trục bánh lốp KPAZ KC-557 Kp	Bộ	1	30 Tấn	43K-5919
3	Cần trục bánh lốp MAZ KC-3577	Bộ	1	12,5 Tấn	43K-5466
4	Cần trục bánh lốp ADK-125	Bộ	1	12,5 Tấn	43K-5781
5	Cần trục bánh lốp ADK-125	Bộ	1	12,5 Tấn	43K-5784
6	Cần trục bánh lốp KOBELCO RK 250	Bộ	1	25 Tấn	43LA-0129
7	Cần trục bánh lốp KOBELCO RK 450	Bộ	1	45 Tấn	43LA-0155
8	Cần trục bánh xích DEK-251	Bộ	1	25 Tấn	21MT-013
III. Hệ thống hàn dầm chuyên dùng:					
1	Hệ thống hàn đính dầm NACO A-18JP	Cái	1	WxH=(200-800)x(200-1500);	97051
2	Hệ thống hàn dầm tự động NACO-SAW-2-4	Cái	1	150-1500 mm/phút	97052
3	Hệ thống nắn dầm NACO-HS-40	Cái	1	W=(200-800); d=40 mm	97053
4	Máy hàn chỉnh lu một chiều 6 mô MHD	Cái	23	100kva	VN
IV. Máy cắt CNC					
1	Máy cắt CNC 4 mô FS-4600D (3 mô gas, 1 mô plasma)	Bộ	1	3900x2500 mm; 6000 mm/phút	CNC 46000108

V. Máy tiện					
1	Máy tiện T616	Cái	1	4,5 kw	192614
2	Máy tiện T616	Cái	1	4,5 kw	805
3	Máy tiện vạn năng BMT-2480L	Cái	1	600x2000 mm	87705
VI. Máy khoan đứng					
1	Máy khoan đứng K125	Cái	1	2,8 kw	663
2	Máy khoan đứng 2A125	Cái	1	2,8 kw	2063
3	Máy khoan đứng 2S132	Cái	1	φ 50 mm	126851
VII. Máy khoan cần					
1	Máy khoan cần SRB-50	Cái	1	φ 50 mm	182
2	Máy khoan cần SRB-50	Cái	1	φ 50 mm	183
VIII. Máy cắt đột thủy lực					
1	Máy cắt đột liên hợp CĐ 13	Cái	1	7,5 kw	94
2	Máy cắt đột liên hợp COMPACT 60	Cái	1	60 tấn	60014503
3	Máy cắt tôn thủy lực DMMH3116 NC	Cái	1	3100x16 mm	MCT01311608
4	Máy sản tôn thủy lực	Cái	1	3x4 m, 85 tấn	853407
IX. Máy lọc tol					
1	Máy lọc tol AHS AKYPAK	Bộ	1	3100 x 20mm	S410_021
X. Hệ thống làm sạch bề mặt kim loại					
1	Hệ thống phun bi tự động HT-701	Bộ	13	1,400 m ² /ngày	PB01140006
XI. Xe vận tải chuyên dụng					
1	Xe tải somi-rơ móc từ 1,5 tấn - 34 tấn	Chiếc	9		
2	Cầu tự hành từ 1 tấn - 15 tấn	Chiếc	3		

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty cổ phần Lilama 7 luôn chú trọng đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng cũng như khẳng định uy tín của thương hiệu Lilama 7 khi thực hiện thi công các công trình xây lắp.

Thủ tục hoạch định chất lượng và kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty được lập dựa trên:

- Tiêu chuẩn ISO 9001:2008
- Sổ tay chất lượng của Lilama 7

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty được tiến hành chặt chẽ nhằm nhận biết và phòng ngừa việc sử dụng hoặc chuyển giao các sản phẩm có chất lượng không phù hợp

hoặc không đáp ứng yêu cầu. Thủ tục kiểm soát chất lượng sản phẩm của Lilama 7 được thực hiện theo lưu đồ dưới đây.

Biểu số 9: Lưu đồ thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp

Bước	Trách nhiệm	Nội dung công việc
1	- Khách hàng - Công nhân - Kỹ thuật B, KCS	Kiểm tra phát hiện ra sản phẩm không phù hợp - Chuyển vào khu vực để sản phẩm không phù hợp - Gắn dấu hiệu.
2	Kỹ thuật A, B, KCS	Lập biên bản (Nếu cần)
3	Kỹ thuật A, B, và nhân viên KCS	- Tìm nguyên nhân sai hỏng - Xác định phương án xử lý.
4	Kỹ thuật A, B Nhân viên KCS PKTKT/QA-QC	Duyệt phương án xử lý (Nếu cần)
5	Công nhân, tổ, đội sản xuất.	Xử lý sản phẩm không phù hợp
6	Kỹ thuật A, B nhân viên KCS	Kiểm tra kết quả xử lý
7	Kỹ thuật A, B nhân viên KCS	Lập biên bản đưa sản phẩm vào sử dụng
8	Kỹ thuật B, KCS	Đánh dấu sản phẩm không phù hợp
9	Kỹ thuật B, KCS	Lưu hồ sơ

6.6. Hoạt động Marketing

Công ty cổ phần Lilama 7 hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành là chế tạo và lắp đặt các thiết bị cơ khí. Công ty là đơn vị chuyên nhận thầu và tổng thầu (EPC) thi công, gia công, lắp đặt chế tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, các giàn khung thép tiền chế, các thiết bị lọc hóa dầu... Nguồn việc mà công ty nhận được đến từ ba nguồn chủ đạo:

- Nhận lại hợp đồng từ công ty mẹ là Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama);
- Đấu thầu cạnh tranh;
- Chỉ định thầu (theo đặc thù của từng công trình xây lắp máy).

Không chỉ nhận những hợp đồng xây lắp do công ty mẹ phân bổ, Lilama 7 còn tích cực tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua việc mở rộng các hoạt động marketing nhằm quảng bá hình ảnh công ty cũng như tìm kiếm các hợp đồng mang doanh thu cao về cho công ty. Quy trình công ty thực hiện đấu thầu cạnh tranh như sau: Trước hết, công ty tìm kiếm thông tin và mua hồ sơ dự thầu. Tiếp theo công ty sẽ bóc tách khối lượng công việc và định giá tham gia dự thầu, sau đó công ty nộp hồ sơ, tiến hành đấu thầu. Nếu trúng thầu, công ty sẽ thương lượng, đàm phán và ký kết hợp đồng với chủ đầu tư.

Lilama 7 xây dựng chính sách toàn diện nhằm nâng cao khả năng đấu thầu cạnh tranh của công ty, cụ thể như sau:

- Mở rộng khả năng cung cấp thông tin đến toàn thể CBCNV Công ty, huy động khả năng tìm kiếm thông tin các dự án;
- Xây dựng hồ sơ năng lực phù hợp với các công trình dự án đấu thầu và thường xuyên cập nhật hồ sơ năng lực của công ty;
- Xây dựng giá dự thầu cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận, giữ vững và phát triển thương hiệu để gia tăng uy tín đến khách hàng;
- Tăng cường quan hệ với các tổ chức đầu mối nhằm mở ra các hướng phát triển mới hoặc các công việc mới. Năm 2009, Công ty đã ký biên bản ghi nhớ về việc thông qua Sở KHCN gặp gỡ các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là các đối tác đến từ các nước có nền tảng công nghệ kỹ thuật cao như Nhật Bản. Việc hợp tác này không chỉ nhằm học hỏi và chuyển giao công nghệ mà thông qua đó còn giúp quảng bá hình ảnh của Công ty đến các khách hàng ở xa hơn và tiềm năng hơn.
- Đẩy mạnh quan hệ với các đơn vị khác trong cùng ngành để hợp tác tốt hơn trong việc liên kết thực hiện đấu thầu những công việc có khối lượng thi công lớn và chủ đầu tư có yêu cầu cao, khát khe về mặt kỹ thuật thi công xây lắp;

- Mở rộng quan hệ với các tổ chức khác như các tổ chức tín dụng, bảo hiểm... nhằm tìm kiếm thêm các hợp đồng.

6.7. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Biểu tượng logo của Công ty:



6.8. *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*

Biểu số 10: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên công trình trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng(chưa thuế) (triệu đồng)	Thời gian bắt đầu thực hiện	Thời gian kết thúc (dự kiến)
1	Nhà máy dệt Phong Phú	Cung cấp và lắp đặt hệ thống bồn chứa nước nóng, ống khói, lò hơi	4.902	2007	2008
2	Nhà máy thủy điện Bình Điền Huế	Thi công lắp đặt hiệu chỉnh thiết bị	16.040	2007	2009
		Thi công vệ sinh, tháo dỡ, lắp đặt toàn bộ thiết bị cơ điện	5.702	2009	2010
		Tiếp nhận bảo quản thiết bị nhập khẩu thuộc gói thầu BĐ-TB1	1.696	2009	2009
3	Nhà máy xi măng Bình Phước	Cung cấp, chế tạo thiết bị	5.425	2007	2009
4	Thủy điện Rào Quán – Quảng Trị	Lắp đặt cơ khí thủy lực, cửa nhận nước, van đầu đường ống, van kim xả lưới, thiết bị điện.	27.389	2005	2009
5	Nhà máy xi măng Luks Huế	Sửa chữa thay thế đại tu và thay thế dây chuyền sản xuất	1.484	2008	2009
6	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	Thiết kế lập dự toán và thi công khu nhà làm việc BQL DA điện Vũng Áng 1	8.656	2009	2010
		Thiết kế và lập dự toán thi công khu nhà ở của BQL DA điện Vũng Áng 1	15.587	2009	2010
		Thiết kế thi công điện chiếu sáng hành lang bảo vệ công trường, hệ thống đường, mương thoát nước...	18.955	2010	2011

STT	Tên công trình trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng(chưa thuế) (triệu đồng)	Thời gian bắt đầu thực hiện	Thời gian kết thúc (dự kiến)
7	Thủy điện An Điền II	Sửa chữa 2 rô tơ , khắc phục và xử lý thiết bị hư hỏng	4.432	2009	2010
		Thi công XD đoạn Km1+007,9 đoạn Km3+969-Km4+144,92	14.428	2008	2010
		Xây lắp các hạng mục: đường dây 35KV và trạm biến áp OPY	21.055	2006	2010
		Cung cấp, chế tạo, lắp đặt thiết bị dự án nhà máy thủy điện An Điền II	25.942	2007	2010
8	Công trình thủy điện Sêsan 4	Lắp đặt thiết bị thủy điện Sêsan 4	22.742	2008	2010
		Thi công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy lực và thiết bị phụ tổ máy số 2	21.297		2010
9	Công trình thủy điện ĐăkPone	Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy lực, thiết bị điện trong nhà máy	6.299	2008	2010
10	Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Chế tạo, lắp đặt ống, bồn dầu 65000 m ³	102.083	2007	2009
11	Công trình bể bơi thành tích cao Đà Nẵng	Phá dỡ, cải tạo công trình cũ và phần XD mới, phần điện nước	5.918	2010	2010
		Thi công hạng mục phần cọc bê tông cốt thép	4.682	2010	2010
		Thi công giàn mái không gian	13.747		
12	Công trình tại Lybia	Cung cấp công nhân và cán bộ kỹ thuật thực hiện công trình xây lắp tại Lybia	2.100	2010	2010
13	Nhà máy xi măng Bút Sơn	Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép hạng mục A11	8.133	2008	2010
14	Dự án đường Láng - Hòa Lạc	Thi công xây lắp điện chiếu sáng	23.569	2009	2011
		Thi công xây dựng dải phân cách bằng tôn lượn sóng	13.546	2009	2010
15	Công trình thủy điện Hòa Na	Thi công bóc vỏ tầng phủ mô đá số 1	21.097	2009	2010
16	Nhà máy thủy điện Hạ Rào Quán - Quảng Trị	Lắp đặt hiệu chỉnh thiết bị công nghệ nhà máy	2.140	2009	2011

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty trong các năm 2008, 2009 và 6 tháng đầu năm 2010

Biểu số 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Lilama 7

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	6 tháng/2010
Tổng giá trị tài sản	171.459.650	179.705.470	4,81%	198.575.705
Doanh thu thuần	110.582.803	111.465.221	0,80%	41.077.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.453.008	3.735.617	157,10%	1.517.831
Lợi nhuận khác	509.432	1.288.628	152,95%	389.693
Lợi nhuận trước thuế	1.962.440	5.024.245	156,02%	1.907.524
Lợi nhuận sau thuế	1.408.757	3.741.105	165,56%	1.430.643
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	70,98%	80,19%	-	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7

Năm 2009, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng trung bình lần lượt là 156% và 166% so với năm 2008; trong khi đó, tốc độ tăng trưởng của doanh thu chỉ đạt 0,8% - rất nhỏ so với tỷ lệ phần trăm tăng trưởng của lợi nhuận. Nguyên nhân của sự tăng trưởng đột biến là do có sự thay đổi về chi phí lãi vay của năm 2009 so với năm 2008. Theo đặc thù chung của lĩnh vực xây lắp máy, Công ty Lilama 7 có tỷ lệ nợ vay tương đối cao do thường phải sử dụng nguồn vay nợ ngắn hạn để tiến hành thi công các công trình, mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và trả chi phí nhân công. Nhờ chính sách kích thích tăng trưởng nền kinh tế nói chung của Chính phủ Việt Nam, Công ty được hưởng lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng, cụ thể là lãi suất công ty phải trả trong năm 2009 chỉ từ 6% đến 8%, tương đương với mức giảm 50% so với lãi suất vay ngân hàng trong năm 2008. Lãi suất giảm 50% dẫn tới chi phí lãi vay trong năm 2009 giảm 22% so với năm 2008. Các nhân tố tài chính khác của Công ty không có thay đổi đáng kể, chỉ riêng lãi vay thay đổi. Điều này đã khiến cho lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2009 có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2008.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

a/ Thuận lợi

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Lilama 7 duy trì ổn định và có xu hướng tăng trưởng qua các năm. Điều này đạt được là do:

- Công ty đã từng bước khẳng định được thương hiệu Lilama 7 trên thị trường khu vực miền Trung. Công ty cổ phần Lilama 7 đã và đang nhận được các hợp đồng thi công các công trình lớn, đòi hỏi kỹ thuật thi công phức tạp.
- Công ty nhận được sự hỗ trợ tích cực từ công ty mẹ là Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Phần lớn doanh thu hàng năm của Lilama 7 thu được từ các dự án, hợp đồng của Tổng công ty lắp máy Việt Nam.
- Công ty ngày càng nâng cao vị thế và uy tín của mình qua việc tham gia vào các công trình trọng điểm, quy mô quốc gia như Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy thủy điện Bình Điền, nhà máy thủy điện An Điền II...
- Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp về quản lý giúp tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, đồng thời áp dụng các chính sách về quản lý nhân lực đã giúp công ty tăng lợi nhuận đáng kể trong năm 2009 so với 2008.

b/ Khó khăn

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, Công ty cổ phần Lilama 7 cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức:

- Khi nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 7 đi vào hoạt động để tương ứng với tỷ trọng tài sản cố định, thì Doanh thu phải tăng lên nhiều so với năm 2009, như vậy mới đảm bảo khấu hao tài sản và khả năng trả nợ cho Dự án.
- Công ty Lilama 7 nằm trên địa bàn miền Trung có tốc độ phát triển công nghiệp thấp so với hai đầu đất nước, do đó khối lượng công việc ít hơn và mức độ cạnh tranh cao hơn.
- Khủng hoảng kinh tế thế giới làm ảnh hưởng đến việc phát triển và triển khai các dự án ở Việt Nam nói chung và khu vực Miền Trung nói riêng, do đó làm chậm tiến độ các công việc hiện tại và hạn chế khả năng tìm kiếm việc làm mới.
- Công tác thu hồi vốn còn yếu. Cụ thể là giá trị dở dang luôn chiếm xấp xỉ 50% doanh thu của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần Lilama 7 có bề dày lịch sử hơn 30 năm trong lĩnh vực xây lắp máy và là thành viên của Tổng công ty lắp máy Việt Nam - một Tổng công ty mạnh của Nhà nước. Với việc được thành lập tại khu vực miền Trung từ rất sớm (năm 1977), Lilama 7 đã từng bước thiết lập được chỗ đứng vững chắc tại khu vực này. Công ty có lợi thế lớn là xây dựng đầy đủ cơ sở hạ tầng; chú trọng duy trì và phát triển các mối quan hệ trên địa bàn. Bên cạnh đó, việc áp dụng các chiến lược dài hạn - phát triển bền vững dựa trên nền tảng đổi mới có áp dụng công nghệ - đã đem lại cho Lilama 7 những thành công nhất định.

Bên cạnh việc thực hiện các hợp đồng xây lắp, Công ty cổ phần Lilama 7 còn rất chú trọng tăng cường khả năng chế tạo cơ khí của mình thông qua dự án Nhà máy cơ khí Lilama 7. Hiện nay, việc định vị thương hiệu lilama 7 vẫn chưa được xác định cụ thể, tuy nhiên, nếu xét trên số lượng các dự án mà Lilama 7 tham gia thực hiện tại khu vực này thì Lilama 7 được xem là đơn vị hàng đầu trong việc chế tạo và lắp đặt các thiết bị cơ khí ở miền Trung. Giá trị sản lượng và doanh thu của Lilama 7 trong những năm gần đây luôn được xếp vào danh sách các công ty hoạt động tốt trong Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế năng động có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực Đông Nam Á. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21 dao động từ 7% đến 8%. Khi nền kinh tế thế giới suy thoái trầm trọng do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu, Việt Nam vẫn duy trì khá tốt tốc độ tăng trưởng và là một trong 12 quốc gia có tốc độ tăng trưởng dương năm 2009. Ngân hàng đầu tư Barclays Capital của Anh đánh giá GDP Việt Nam sẽ có mức tăng trưởng từ 6,8% đến 7% trong năm 2010. Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành xây dựng trong nước phát triển.

Hiện nay, Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước; thêm vào đó Chính phủ luôn đề cao khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất xây dựng nội địa hóa sản phẩm. Để chiến lược nội địa hóa sản phẩm công nghiệp trở thành hiện thực, Chính phủ đã dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực, đồng thời không ngừng khuyến khích các doanh nghiệp trong nước mở rộng năng lực sản xuất để đảm nhận thi công theo hình thức tổng thầu EPC, chế tạo thiết bị đồng bộ cho các công trình công nghiệp và dân dụng. Trong lĩnh vực cơ khí chế tạo đã có bước phát triển mạnh mẽ, mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt từ 25% đến 35%.

Lĩnh vực chế tạo thiết bị và trở thành tổng thầu EPC là lĩnh vực mới phát triển ở Việt Nam. Tổng công ty lắp máy Việt Nam đã đi tiên phong trong lĩnh vực này và khẳng định được uy tín chất lượng trong vai trò của tổng thầu EPC. Thay vì tiếp tục làm thuê cho các công ty nước

ngoài khi thực hiện các công trình xây lắp quy mô lớn tại Việt Nam; Tổng Lilama đã giành lại ngôi vị làm chủ và quy tụ được sức mạnh tổng hợp của các doanh nghiệp chế tạo cơ khí trong nước, phát huy năng lực về mọi mặt, nắm bắt công nghệ tiên tiến hiện đại góp phần to lớn vào sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước.

Năm 2000, Tổng công ty lắp máy Việt Nam đã được giao cho làm Tổng thầu EPC các dự án lớn như: Nhà máy nhiệt điện Uông Bí (công suất 300 MW), nhà máy nhiệt điện Cà Mau (công suất 720 MW), các gói thầu 1&4, 2&3 dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất. Trong vai trò tổng thầu EPC, Tổng công ty lắp máy Việt Nam thực hiện các công việc từ khảo sát, thiết kế đến

chế tạo thiết bị và tổ chức quản lý xây lắp. Điều này đã giúp cho ngành cơ khí và xây lắp máy trong nước không ngừng phát triển, tiếp cận với các công nghệ hiện đại để thi công thực hiện các công trình quy mô lớn, đòi hỏi trình độ cao trong nước.

Ngày 12/01/2010, Thủ tướng chính phủ ký và ban hành quyết định phê duyệt thành lập Tập đoàn Sông Đà, bao gồm Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty lắp máy Việt Nam, Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng, Tổng công ty cơ khí xây dựng, Tổng công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng và Tổng công ty cổ phần Sông Hồng. Việc phát triển lên quy mô tập đoàn sẽ giúp các Tổng công ty trong tập đoàn liên kết, khai thác thế mạnh và hỗ trợ cho nhau, tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới*

Công ty cổ phần Lilama 7 đề ra chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn. Công ty không ngừng nâng cao năng lực thi công sản xuất đồng thời mở rộng quy mô phát triển thông qua việc xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 7 và thành lập các công ty con. Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Lilama 7 trong cuộc họp ngày 28/04/2010 đã thông qua chủ trương thành lập các công ty con:

- Công ty cổ phần lilama 7.1 với ngành nghề là chế tạo, lắp đặt cơ khí của Công ty;
- Công ty cổ phần Xây dựng hạ tầng và Dịch vụ công nghiệp lilama 7.2 với ngành nghề là xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp.

Chính sách phát triển của Lilama 7 hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành xây lắp máy và chính sách của Chính phủ trong việc khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng và thi công lắp máy trong nước nâng cao năng lực sản xuất, tiến tới đảm nhận các công trình trọng điểm trong nước với vai trò là Tổng thầu EPC. Đặc biệt, bên cạnh việc nhận hợp đồng xây lắp từ Tổng công ty mẹ phân bổ xuống, Lilama 7 còn chủ động tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường, báo giá, đấu thầu để nhận nhiều công trình. Điều này giúp Công ty đảm bảo kế hoạch phát triển doanh thu và duy trì mức tăng trưởng bền vững qua các năm.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động trong Công ty là 546 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Biểu số 12: Cơ cấu lao động Công ty

Loại lao động	Số lượng (người)
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	80
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	29
Công nhân kỹ thuật	437

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Công ty còn có công nhân kỹ thuật thời vụ ký hợp đồng ngắn hạn (3 tháng) nâng tổng số nhân viên của công ty tại nhiều thời điểm trong năm lên gần 1.000 người.

9.2. Chính sách chế độ đối với người lao động

a/ Chế độ làm việc

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động. Do đặc thù của ngành xây lắp máy, người lao động của Công ty cổ phần Lilama 7 chủ yếu làm việc tại các công trình xây lắp. Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong quá trình làm việc, Công ty Lilama 7 cắt cử mỗi đội công trình đều có một ban an toàn chuyên trách có nhiệm vụ giám sát và cấp phát thiết bị an toàn lao động cho công nhân.

b/ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Mức lương và thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động và tăng doanh thu cho Công ty. Định kỳ hàng năm (thường là nửa năm) Công ty tổ chức chương trình khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ công nhân viên toàn công ty. Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát, du xuân trong nước và nước ngoài... cho cán bộ nhân viên mỗi khi hoàn thành xong công trình.

c/ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Bên cạnh yêu cầu cao khi tuyển dụng lao động mới, Công ty cũng luôn luôn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực hiện có. Do

đặc thù của ngành xây lắp máy và làm việc với các thiết bị phi tiêu chuẩn, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề công nhân. Tổng công ty Lilama có hai trường chuyên đào tạo thợ và nâng cao bậc thợ. Định kỳ 2 năm công ty Lilama 7 sẽ mời các giáo viên ở đây về để đào tạo công nhân, đồng thời tổ chức thi cấp chứng chỉ cho công nhân. Ngoài ra, Công ty Lilama 7 cũng tự tổ chức các cuộc thi nâng bậc thợ cho cán bộ công nhân viên theo các đợt để tăng lương cơ bản và phụ cấp bảo hiểm xã hội.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 13/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 04 năm 2010 về việc chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu của Lilama 7 là 6 % trên vốn chủ sở hữu, tương ứng với số tiền 3.000.000.000 đồng. Trong năm 2010, Công ty đã tạm trả cổ tức của năm 2009 là 4%; số còn lại là 2% Công ty dự tính sẽ trả cho cổ đông thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam khi được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a/ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 08 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7)

b/ Chi phí khấu hao TSCĐ các năm như sau

Đơn vị tính: đồng

Năm	2008	2009	6 tháng/2010
Chi phí khấu hao trong năm	5.138.960.729	6.551.779.006	2.986.178.883

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7)

c/ Mức lương bình quân

Năm	2008	2009	6 tháng/2010
Tổng quỹ lương (đồng)	36.566.747.545	31.201.999.556	10.334.741.435
Mức lương bình quân/tháng (đồng/người/tháng)	2.925.000	3.374.000	3.300.000

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là rất tốt.

d/ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e/ Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Đối với nguyên vật liệu đầu vào: áp dụng thuế suất là 5% đối với một số mặt hàng như xi măng, thép, phí thuê cầu... và áp dụng mức thuế suất là 10% đối với các mặt hàng như dầu diezen, khí ga, văn phòng phẩm...

Đối với sản phẩm đầu ra: áp dụng mức thuế suất 5% hoặc 10%, tùy thuộc vào loại hình hợp đồng.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Kể từ ngày 01/01/2009, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp chung là 25% thay cho mức cũ 28% theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008

của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đơn vị tính: đồng

Năm	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Thuế giá trị gia tăng	2.056.923.894	2.931.494.505	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.903.040	1.283.139.658	1.760.020.562
Thuế thu nhập cá nhân	107.814.775	45.694.184	33.873.949
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	544.604	544.604	544.604

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7)

▪ Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

f/ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 13/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 04 năm 2010, Công ty tiến hành trích lập các quỹ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009
Lợi nhuận sau thuế	3.741.105.364
Trích lập các quỹ	741.105.364
<i>Trong đó:</i>	
Quỹ dự phòng tài chính	187.055.268
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	187.055.268
Quỹ đầu tư và phát triển sản xuất	366.994.828

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

g/ **Tình hình công nợ hiện nay**▪ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	30/06/2010
Phải thu của khách hàng	33.075.662.936	17.090.685.379
Trả trước cho người bán	4.109.195.833	14.793.876.591
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Phải thu theo tiến độ HĐXD	-	-
Các khoản phải thu khác	1.280.357.562	1.066.913.211
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(307.113.365)	(307.113.365)
Tổng cộng	38.158.102.966	32.644.361.816

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 và BCTC quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7

Thuyết minh khoản phải thu của khách hàng và trả trước cho người bán:

- **Về các khoản thu của khách hàng gồm một số khách hàng sau: tại thời điểm 30.06.2010**

STT	Tên khách hàng	Số tiền	Ghi chú
1	BQL điện miền Trung	134.467.000	Chờ quyết toán
2	Công ty truyền tải điện 2	677.363.000	Chờ quyết toán
3	Công ty TNHH XM Luks Huế	1.277.953.243	Thanh toán theo giai đoạn, giữ lại 15% chờ quyết toán
4	Công ty CP Thủy điện Bình Điền	2.606.942.105	Bảo hành công trình
5	Công ty thủy điện Sông Vàng	5.070.833.186	Thanh toán theo giai đoạn, giữ lại 15% chờ quyết toán
6	Công ty chế tạo thiết bị đóng tàu Hải Phòng	826.438.931	Bảo hành công trình
7	Công ty CP đầu tư điện lực 3	1.235.750.360	Chờ quyết toán
8	Công ty CP cơ khí xây dựng Tháp Kim	110.257.620	Chờ quyết toán
9	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	1.784.656.133	Thanh toán theo giai đoạn, giữ lại 15% chờ quyết toán
10	Tổng công ty xây dựng Thủy Lợi 4	1.059.908.725	Bảo hành công trình
11	Các nhà cung cấp nhỏ khác	2.306.115.076	Thanh toán theo giai đoạn, chờ quyết toán.
	Tổng cộng	17.090.685.379	

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

- Về các khoản trả trước người bán bao gồm một số nhà cung cấp sau: tại thời điểm 30.06.2010

STT	Tên khách hàng	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH XLSX &TM DV Trường Long	909.364.001	Nhà thầu phụ ứng trước tiền thi công theo hợp đồng
2	Công ty CP kỹ thuật cơ điện lạnh Tadico	315.088.644	Nhà thầu phụ ứng trước tiền thi công theo hợp đồng
3	Công ty CP tư vấn Phú Cửu Long	4.000.000.000	Nhà thầu phụ ứng trước tiền thi công theo hợp đồng
4	Công ty TNHH đầu tư thương mại XD Vĩnh Thắng	168.413.235	Nhà thầu phụ ứng trước tiền thi công theo hợp đồng
5	Công ty TNHH SX & TM Ánh Bình Minh	120.148.875	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
6	Công ty CP của nhựa Việt Séc	235.617.000	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
7	Công ty CP tư vấn phát triển XD&TM Hưng Thịnh	2.000.000.015	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
8	Công ty TNHH TBXD &CS ĐT Tấn Phát	1.340.243.885	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
9	Công ty TNHH Việt Anh	466.000.000	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
10	Công ty CP XD&TM Nguyên Vũ	117.030.800	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
11	Công ty TNHH NN MTV cơ khí Đông Anh	2.932.523.100	Nhà thầu phụ ứng trước tiền thi công theo hợp đồng
12	Các nhà cung cấp nhỏ lẻ khác	2.189.447.036	Khách hàng ứng trước tiền mua vật tư theo hợp đồng.
	Tổng cộng	14.793.876.591	

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

▪ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2009	30/06/2010
I	Nợ ngắn hạn	77.094.798.826	100.239.425.422
1	Vay và nợ ngắn hạn	26.827.674.107	45.651.885.963
2	Phải trả người bán	13.796.983.259	20.559.207.906
3	Người mua trả tiền trước	11.911.814.288	16.831.814.686
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.260.872.951	1.794.439.115
5	Phải trả công nhân viên	9.247.214.069	5.744.550.337
6	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây lắp	-	319.811.400
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.050.240.152	9.337.716.015
II	Nợ dài hạn	44.822.394.051	40.169.104.935
1	Vay và nợ dài hạn	44.280.527.998	39.600.125.363
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	541.866.053	568.979.572

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 và BCTC quý II/2009 của Công ty cổ phần Lilama 7

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	30/06/2010
1	Kinh phí công đoàn	814.622.713
2	Bảo hiểm y tế	-
3	Bảo hiểm xã hội	903.079.084
4	Bảo hiểm thất nghiệp	85.760.658
5	Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.534.253.560
	Dư có TK 141 + TK 138	3.493.717.696
	Cổ tức phải trả	-
	Các khoản phải trả khác (*)	4.040.535.864
	Tổng cộng	9.337.716.015

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 và BCTC quý II/2009 của Công ty cổ phần Lilama 7

(*) Các khoản phải trả khác bao gồm:

+ Tiền cổ tức phải trả năm 2009:	1.000.000.000 đ
+ Lãi vay quý 2 năm 2010 phải trả cho Tổng Công ty lắp máy Việt Nam:	321.875.000 đ
+ Bảo hiểm công nhân biệt phái:	33.967.154 đ
+ Đặt cọc bảo đảm thực hiện HĐLĐ và đi làm việc tại Libya:	2.684.693.710 đ

Tổng cộng: 4.040.535.864 đ

Ngoài ra, tại thời điểm 30/06/2010 Công ty hiện đang có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với Công ty mẹ là TCTLNVN và hai ngân hàng với số tiền vay hơn 85 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

Biểu số 13: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại 30/06/2010

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Số Nợ gốc tại 30/06/2010	Hình thức vay	Mục đích vay
VAY DÀI HẠN			39.600.125.363		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng	60 tháng	Theo Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng (*)	3.488.720.000	Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay	Mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư cho nhà máy cơ khí Lilama 7
Ngân hàng cổ phần Hàng hải (MSB) Đà Nẵng	84 tháng	Theo Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng (**)	26.993.078.363	Thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là Dự án nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 7	
Tổng công ty lắp máy Việt Nam	12 tháng	9,8%/năm	9.118.327.000	Vay tín chấp	
VAY NGẮN HẠN			45.651.885.963		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng	-	14,5%/năm	25.676.476.707	Vay tín chấp	Thi công các công trình xây lắp
Ngân hàng cổ phần Hàng hải Đà Nẵng	-	14,5%/năm	19.975.409.256	Thế chấp tài sản	

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

(*) Sử dụng lãi suất có điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 4%/năm. Một năm điều chỉnh 2 lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

(**) Lãi suất vay trong 06 tháng đầu tiên kể từ khi nhận nợ là 1%/tháng; sau đó thay đổi cứ 03 tháng một lần theo công thức:

$Lãi\ suất\ cho\ vay = Lãi\ suất\ tiền\ gửi\ có\ kỳ\ hạn\ 12\ tháng\ cao\ nhất\ của\ MSB + 0,3\%/tháng.$

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu số 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Lilama 7

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,54	1,19
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,59	0,62
$\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	66,74	67,84
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	200,38	211,00
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,43	1,63
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	64,49	62,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,27	3,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,47	6,51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,88	2,13
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,31	3,35

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty cổ phần Lilama 7

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

▪ Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Sơn Trường	Chủ tịch HĐQT
2	Tô Minh Thúy	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên HĐQT
4	Trần Hải Sơn	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Vĩnh	Ủy viên HĐQT

▪ **Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Sơn Trường	Tổng Giám đốc
2	Tô Minh Thúy	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc
6	Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

▪ **Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Đức Kiên	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

▪ **Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.

12.1. Bùi Sơn Trường - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Họ và tên : Bùi Sơn Trường
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 24/03/1970
 Nơi sinh : TP. Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 011558619
 Nơi cấp : Công an Hà Nội, Ngày cấp: 26/08/2009
 Quê quán : Đô Lương, Nghệ An
 Địa chỉ thường trú : Số 20/158 Phố Hoàng Văn Thái, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 Số điện thoại liên lạc : 05113 642666.

Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Kinh Tế.
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1994 - 1998	Cán bộ Trường đại học Phương Đông Hà Nội
1999 - 2001	Kỹ sư cơ khí văn phòng đại diện Lilama Phả Lại 2
2001 - 2003	Phó giám đốc dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi.
2003 - 2004	Phó giám đốc Ban dự án Nhiệt điện Uông bí, Tổng công ty lắp máy Việt Nam
2004 - 2005	Trưởng đại diện Lilama tại công trình Xi măng sông Gianh.
2006 – đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7.

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.334.380 cổ phần, chiếm 26,688% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 34.380 cổ phần (tương ứng 0,688% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam): 1.300.000 cổ phần (tương ứng 26% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

- Vợ: Đào Thị Hà Ninh.

Số cổ phần nắm giữ: 103.744 cổ phần, chiếm 2,075% vốn điều lệ.

12.2. Tô Minh Thuyết – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Tô Minh Thuyết
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 12/09/1974
 Nơi sinh : Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh

Số CMND : 181971614

Nơi cấp : Công an Nghệ Tĩnh, Ngày cấp: 17/01/1991

Quê quán : Xóm 5, Xã Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú : Tân kỳ, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0913401911

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng.

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
01/1997 – 09/1998	Nhân viên phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
10/1998 – 12/2003	Trưởng phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
01/2004 – 03/2009	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7
04/2009 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Phó TGD công ty cổ phần Lilama 7, Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 799.921 cổ phần, chiếm 15,998% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 49.921 cổ phần (tương ứng 0,998% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam): 750.000 cổ phần (tương ứng 15% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

- Mẹ: Trương Thị Thủy
Số cổ phần nắm giữ: 3.868 cổ phần, chiếm 0,077% vốn điều lệ.
- Em gái: Tô Thị Hằng Nga.
Số cổ phần nắm giữ: 5.500 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
- Em gái: Tô Thị Minh Hải.
Số cổ phần nắm giữ: 5.708 cổ phần, chiếm 0,114% vốn điều lệ.

- Em trai: Tô Phi Sơn

Số cổ phần nắm giữ: 8.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.

12.3. Nguyễn Hồng Thái – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Hồng Thái
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 05/06/1959
 Nơi sinh : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 201319852
 Nơi cấp : Công an thành phố Đà Nẵng Ngày cấp: 25/04/2009
 Quê quán : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An
 Địa chỉ thường trú : An Cư, An Hải Bắc, TP Đà Nẵng.
 Số điện thoại liên lạc : 05113844718
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
10/1981 – 09/1985	Giáo viên trường kỹ thuật xí nghiệp lắp máy số 7.
10/1985 – 02/1993	Kỹ thuật, Đội trưởng đội công trình Sợi Huế, xí măng Hải Vân Đà Nẵng, Điều Trì Quy Nhơn
03/1993 – 12/2004	Trưởng phòng tổ chức lao động Công ty lắp máy & Xây dựng số 7.
01/2005 – 05/2007	Phó giám đốc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
06/2007 – đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Phó TGD công ty cổ phần Lilama 7, thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 7.252 cổ phần, chiếm 0,145% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.252 cổ phần (tương ứng 0,145% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.4. Trần Hải Sơn - Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Trần Hải Sơn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 19/02/1970

Nơi sinh : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 194205436

Nơi cấp : Công an Quảng Bình, Ngày cấp: 22/08/2000

Quê quán : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình.

Địa chỉ thường trú : 106 Trưng Nữ Vương, Bình Hiên, Hải Châu, Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0913412741

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1997 – 2000	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2000 – 2001	Phó giám đốc xí nghiệp 701, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2001 – 2002	Đội phó đội công trình thuộc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
2002 – 2005	Đội trưởng đội Hầm đào Hải vân, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2006 – 2007	Chỉ huy trưởng đội công trình công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2007 – đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Phó TGD Công ty cổ phần Lilama 7, thành viên HĐQT.

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 520.364 cổ phần, chiếm 10,4% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 20.364 cổ phần (tương ứng 0,4% vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam): 500.000 cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ)*

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.5. Nguyễn Vĩnh - Ủy viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Vĩnh

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 20/01/1969

Nơi sinh : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 200957548

Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 22/07/2004

Quê quán : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : Tổ 30, Thuận An, P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0905202272

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1998 - 2006	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2006 - 2008	Phó phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty lắp máy và xây dựng số 7
2008 - 2009	Chỉ huy trưởng Công trình nhà máy lọc dầu Dung quất, Quảng Ngãi, Công ty CP Lilama 7
2009 - đến nay	Trưởng phòng KT - KT, Công ty CP Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Không

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 7.124 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.124 cổ phần (tương ứng 0,14% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

12.6. Lê Văn Bảo – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Lê Văn Bảo

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 31/07/1976

Nơi sinh : Vĩnh Linh - Quảng Trị

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 197044183

Nơi cấp: : Công an Quảng Trị Ngày cấp: 29/04/2004

Quê quán : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Địa chỉ thường trú : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Số điện thoại liên lạc : 0905571791

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
05/2002 - 04/2004	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM lọc dầu Dung Quất
04/2004 - 03/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 – làm việc tại dự án NM Nhiệt điện Phú Mỹ 4.

Thời gian	Chức vụ
03/2005 - 05/2005	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Điện - Đạm Cà Mau.
05/2005 - 04/2006	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Xi măng Sông Gianh
04/2006 - 07/2006	Phó Văn phòng đại diện Lilama tại Công trình NM xi măng Sông Gianh
7/2006 - 12/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 – Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất
12/2008 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại tổ chức khác (nếu có): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.7. Vũ Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Vũ Anh Tuấn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/03/1979

Nơi sinh : Phường Lê Lợi – TP Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 121239884

Nơi cấp : Công an Bắc Giang Ngày cấp: 22/11/1994

Quê quán : Liên Sơn – Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 24 - Lê Lợi – Bắc Giang
 Số điện thoại liên lạc : 0974178888
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
07/2006 đến 10/2006	Kỹ thuật làm việc tại Công trình Nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
10/2006 đến 08/2007	Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
08/2007 đến 05/2008	Chỉ huy trưởng Công trình Cảng Vật Cách - Hải Phòng
05/2008 đến 01/2009	Phó Tổng Giám đốc - Chỉ huy trưởng Công trình Cảng Vật Cách - Hải Phòng
1/2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty - Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy xi măng Bút Sơn - Hà Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ công tác tại tổ chức khác (nếu có): không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 6.275 cổ phần, chiếm 0,126% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.275 cổ phần (tương ứng 0,126% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.8. Bùi Đức Kiên – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Bùi Đức Kiên
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 19/12/1971
 Nơi sinh : Phương Châu - Tiên Lữ - Hưng Yên
 Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 011452357
 Nơi cấp : Công an Hà Nội Ngày cấp: 19/07/2008
 Quê quán : Phương Chiêu - Tiên Lữ - Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 20/29 ngõ 583 phố Kim Ngưu - Phường Vĩnh Tuy - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc : 0913.254.032
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
02/1994 – 04/1996	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.1
04/1996 – 05/2002	Nhân viên Phòng TCKT - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
05/2002 – 05/2007	Phó phòng Phòng TCKT - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
05/2007 đến nay	Phó Trưởng Ban kiểm Trưởng phòng tài chính - Ban tài chính kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Trưởng Ban kiểm Trưởng phòng tài chính - Ban tài chính kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Chức vụ công tác tại tổ chức khác:

- Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần LILAMA 7
- Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị LILAMA
- Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (tương ứng 0,1% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.9. Trần Anh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Trần Anh Đức
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 10/06/1982
 Nơi sinh : Phường Quán Bàu – TP Vinh – Tỉnh Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 182505164
 Nơi cấp : Công an Nghệ An Ngày cấp: 13/01/2010
 Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 9 - Khối 12 - Phường Quán Bàu - TP Vinh - Nghệ An
 Số điện thoại liên lạc : 0903212555
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Điện tử - Viễn thông
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
6/2006 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 7.
03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Tổ chức - Lao động Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên

Chức vụ công tác tại tổ chức khác (nếu có): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

- Vợ: Quách Thị Dạ Thảo

Số cổ phần nắm giữ 500; chiếm 0,001% vốn điều lệ

12.10. Trần Anh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Trần Anh Dũng
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 03/05/1977
 Nơi sinh : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 230541849
 Nơi cấp : Công an Gia Lai Ngày cấp: 18/10//2004
 Quê quán : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị
 Địa chỉ thường trú : Tổ 1 - Trung Nghĩa - Hòa Ninh - Liên Chiểu - Đà Nẵng
 Số điện thoại liên lạc : 0983330363
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Cung ứng - Vật tư Công ty cổ phần Lilama 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên, thành viên BKS

Chức vụ công tác tại tổ chức khác (nếu có): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

12.11. Võ Duy Chính – Kế toán trưởng

Họ và tên : Võ Duy Chính
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 07/03/1969
 Nơi sinh : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 201571657
 Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 14/02/2006
 Quê quán : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An.
 Địa chỉ thường trú : K382/7 Núi Thành - Đà Nẵng
 Số điện thoại liên lạc : 0903520007
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1994 - 1996	Ban Thanh tra UBND Huyện Tân Kỳ - Nghệ An
1996 - 2000	Cán bộ Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
2000 - 03/2009	Phó phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7 (Công ty Cổ phần Lilama 7)
04/2009 - 03/2010	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Lilama 7
03/2010 - đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7

Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 9.008 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 9.008 cổ phần (tương ứng 0,18% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

- Vợ: Lê Thị Thanh Dung
Số cổ phần nắm giữ là 20.548 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ.
- Anh trai: Võ Duy Đức
Số cổ phần nắm giữ là 11.500 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ.

- Em gái: Võ Thị Chuyên

Số cổ phần nắm giữ là 30.000 cổ phần, chiếm 0,6% vốn điều lệ.

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Biểu số 15: Danh mục tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.010.769.665	2.816.646.752	4.194.122.913
2	Máy móc thiết bị	37.863.049.616	16.499.890.700	21.363.158.916
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	12.371.164.098	4.456.206.472	7.914.957.626
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	775.216.552	519.449.829	255.766.723
5	Tài sản cố định khác	2.067.721.863	905.314.222	1.162.407.641
	Tổng cộng	60.087.921.794	25.197.507.975	34.890.413.819

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty cổ phần Lilama 7

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010 như sau:

Biểu số 16: Danh mục tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.010.769.665	2.973.900.464	4.036.869.201
2	Máy móc thiết bị	38.152.274.638	18.328.654.360	19.823.620.278
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	12.800.492.825	5.098.498.851	7.701.993.974
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	851.643.825	576.720.295	274.923.530
5	Tài sản cố định khác	2.067.721.863	1.072.838.890	994.882.973
	Tổng cộng	60.882.902.816	28.050.612.860	32.832.289.956

Nguồn: BCTC quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7

Giá trị tài sản cố định vô hình theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Biểu số 17: Danh mục tài sản cố định vô hình tại 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	5.195.845.835	-	5.195.845.835
2	Thương hiệu Lilama (*)	-	-	-
3	Phần mềm vi tính	294.500.000	249.077.051	45.422.949
	Tổng cộng	5.490.345.835	249.077.051	5.241.268.784

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty cổ phần Lilama 7

(*) Giá trị thương hiệu Lilama được hình thành theo Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu và biểu tượng số 14/HĐNH-LILAMA giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Lắp máy và Xây dựng số 7 (tiền thân của Công ty cổ phần Lilama 7) ký ngày 02/01/2007. Theo hợp đồng này, Công ty Lắp máy và Xây dựng số 7 được phép sử dụng thương hiệu Lilama trong thời gian 10 năm từ ngày ký hợp đồng với giá cả chuyển giao quyền sử dụng thương hiệu là 430.000.000 đồng. Năm 2007 và 2008, giá trị thương hiệu Lilama được theo dõi trên khoản mục Tài sản cố định vô hình. Đến năm 2009, Công ty và đơn vị kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội) rà soát lại và nhận thấy thương hiệu Lilama chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là Tài sản cố định vô hình theo Chuẩn mực kế toán 04. Do đó, Công ty đã hạch toán phần còn lại của giá trị thương hiệu Lilama là 301.000.008 đồng sang chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn với thời gian phân bổ trong 07 năm.

Giá trị tài sản cố định vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010 như sau:

Biểu số 18: Danh mục tài sản cố định vô hình tại 30/06/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	5.195.845.835	-	5.195.845.835
2	Phần mềm vi tính	294.500.000	281.077.049	13.422.951
	Tổng cộng	5.490.345.835	281.077.049	5.209.268.786

Nguồn: BCTC quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Biểu số 19: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Lilama 7

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	
	Triệu đồng	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2009
Vốn điều lệ	50.000	50.000	0
Vốn chủ sở hữu	57.781	58.400	+1,07%
Doanh thu thuần	111.465	140.000	+25,6%
Lợi nhuận trước thuế	5.024	6.500	+29,38%
Lợi nhuận sau thuế	3.741	4.875	+30,31%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,36%	3,48%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,47%	8,44%	-
Cổ tức (%)	6%	8%	-

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Năm 2010 nền kinh tế thế giới dần khôi phục sau cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ năm 2008. Nền kinh tế Việt Nam được nhiều chuyên gia trong và ngoài nước dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng từ 6% đến 7% trong năm 2010. Cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, ngành xây dựng trong nước có khả năng phát triển mạnh mẽ trở lại sau thời gian nhiều công trình thi công xây dựng bị đình trệ do thiếu vốn.

Căn cứ vào sự phát triển của nền kinh tế cả nước nói chung và khu vực miền Trung nói riêng, ngành xây lắp đang có tốc độ phát triển mạnh do nhận được sự quan tâm tạo điều kiện phát triển của Chính phủ và chính quyền các tỉnh thuộc khu vực miền Trung. Trong những năm gần đây, các nhà đầu tư khá quan tâm đến khu vực miền Trung và một số lượng lớn dự án trọng điểm quốc gia như Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các nhà máy thủy điện, nhiệt điện đang được ưu tiên triển khai trên địa bàn khu vực này. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành xây lắp máy tại khu vực miền Trung, Công ty cổ phần Lilama 7 tận dụng được lợi thế của mình về bề dày kinh nghiệm, khu vực hoạt động, kỹ năng quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, năng lực sản xuất thi công ngày càng được nâng cao để ký kết nhiều hợp đồng xây lắp có giá trị kinh tế lớn.

Năm 2010, Lilama 7 tiếp tục thực hiện các công trình chuyển tiếp từ năm 2009 như: Công trình thủy điện An Điền II, công trình thủy điện Bình Điền, thủy điện Sê San 4, Nhiệt điện Vũng Áng, thủy điện ĐắkPônê, thủy điện Hủa Na, Nhà máy xi măng Luks, Công trình đường Láng Hòa Lạc... Các công trình này đang được triển khai thực hiện đúng tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, Công ty còn triển khai một số Hợp đồng mới cho việc duy tu bảo dưỡng Nhà máy xi măng Luks - Huế; chuẩn bị thi công công trình Bể bơi thành tích cao – Đà Nẵng và xúc tiến ký kết các hợp đồng xây lắp mới. Đây chính là căn cứ để Công ty lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2010.

Biểu số 20: Dự kiến doanh thu và lợi nhuận năm 2010 của các công trình xây lắp mà Công ty đang thực hiện

STT	Công trình	Đvt	Giá trị hợp đồng	Năm 2010	
				Doanh thu (dự kiến)	Lợi nhuận trước thuế (dự kiến)
1	Công trình đường Láng Hòa Lạc	Tr.đồng	37.115	34.573	241
2	Công trình nhiệt điện Vũng Áng	Tr.đồng	43.198	32.440	1.287
3	Công trình thủy điện Sê San 4 - Gia Lai	Tr.đồng	44.039	9.025	604
4	Công trình thủy điện Hủa Na - Nghệ An	Tr.đồng	21.097	10.548	219
5	Công trình thủy điện Bình Điền - Huế	Tr.đồng	5.702	2.465	174
6	Công trình thủy điện Đắk pônê	Tr.đồng	6.299	5.394	301
7	Công trình NMXM Luks - Huế	Tr.đồng	1.484	5.000	112
8	Công trình NMXM Bút Sơn - Hà Nam	Tr.đồng	8.133	6.791	417
9	Công trình tại Libya	Tr.đồng	-	2.100	2.100
10	Công trình bể bơi thành tích cao	Tr.đồng	24.347	24.347	805
11	Công trình An Điền II	Tr.đồng	65.857	4.885	101
12	Các công trình nhỏ khác (đã có HĐKT)	Tr.đồng	2.916	2.432	139
	Tổng cộng	Tr.đồng	260.187	140.000	6.500

Không chỉ chú trọng đến hoạt động thi công xây lắp truyền thống, Công ty đã triển khai dự án xây dựng nhà máy Chế tạo Cơ khí Lilama 7. Nhà máy sẽ đi vào hoạt động từ tháng 6/2010,

cung cấp các sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn phục vụ cho hoạt động xây lắp của Lilama 7. Doanh thu mà nhà máy cơ khí đem lại dự kiến sẽ góp phần nâng cao doanh thu của Lilama 7 từ năm 2011 trở đi.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama 7, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cổ phần Lilama 7 đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama 7 là rất ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là có tính khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2010 có thể đảm bảo thực hiện được. Trên thực tế, tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông sẽ được thực hiện dựa trên quyết định tại Đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 VND (Mười nghìn đồng)/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán Công ty đăng ký niêm yết là **4.957.000 cổ phần (*)**.

(*) Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng, tương đương với 5.000.000 cổ phần). Số cổ phần còn lại là 43.000 cổ phần, tương đương với 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) là phần vốn góp bằng thương hiệu “Lilama” của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Theo công văn số 1544/UBCK-QLPH do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 27/05/2010, phần vốn góp bằng thương hiệu tạm thời chưa được niêm yết và giao dịch cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

4. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

Theo điều 9 Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ, mục d quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Như vậy số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu hoặc làm đại diện sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Biểu số 21: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của các thành viên chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
1	Bùi Sơn Trường	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	34.380	34.380	17.190
2	Tô Minh Thúy	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	49.921	49.921	24.961
3	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	7.252	7.252	3.626
4	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	20.364	20.364	10.182
5	Nguyễn Vĩnh	Thành viên HĐQT	7.124	7.124	3.562
6	Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	6.275	6.275	3.138
7	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng	9.008	9.008	4.504
8	Bùi Đức Kiên	Trưởng BKS	5.000	5.000	5.000
	Tổng		139.324	139.324	69.662

(Nguồn: Công ty cổ phần Lilama 7)

5. Phương pháp tính giá**Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009:**

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{57.781.076.194}{5.000.000} = 11.556 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 30/06/2010:

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{58.024.663.637}{5.000.000} = 11.605 \text{ đồng/cổ phần}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ

vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông là nước ngoài sở hữu cổ phiếu và Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất GTGT là 5% đối với một số mặt hàng nguyên vật liệu đầu vào như xi măng, thép, phí thuê cầu...; còn lại áp dụng mức thuế suất 10%.

7.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

7.3. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế, phí khác Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Trụ sở : 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84 – 4) 37 262 600

Fax : (84 – 4) 37 262 602

Website : www.thanglongsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Trụ sở chính : Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : (84 - 04).3974 5080

Fax : (84 - 04).3974 5083

Website : <http://www.cpahanoi.com>

Email : cpahanoi@fpt.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 7

Phụ lục III: Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin

Phụ lục IV: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và báo cáo tài chính quý II/2010 của Công ty cổ phần Lilama 7

Phụ lục VI: Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 31/12/2007

Phụ lục VII: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc phát hành tăng vốn và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Phụ lục VIII: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng; Danh sách những người có liên quan

Phụ lục IX: Các văn bản pháp lý có liên quan

